

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/DS-ST
Ngày: 20-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trinh Thị Lệ Hoa

Bà Lê Thị Kim Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 1 - Tây Ninh,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thụ lý số
388/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 59/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: H Đường L phường Đ thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm:
2003, chuyên viên Xử lý nợ Phòng Xử lý nợ pháp lý Ngân hàng Thương mại Cổ
phần V (theo văn bản ủy quyền số 623/2026/UQ - VPB ngày 11 tháng 01 năm
2026 của Phó giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân, Khối
thu hồi và Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đình N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: A khu phố T phường L tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của
nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Đình N đã được V1 cấp thẻ tín dụng hạn
mức 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà N đã phát sinh nợ
gốc 110.611.967 và tiền lãi tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2026 là 221.004.625
đồng. Bà N đã bị quá hạn thanh toán thẻ tín dụng và V1 đã nhiều lần nhắc nhở

nhưng bà N không trả nợ. Do đó, V1 khởi kiện, yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi theo thỏa thuận.

Tại phiên hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2026, bị đơn Nguyễn Thị Đình N thừa nhận quá trình giao dịch với V1 đúng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà đề nghị V1 xem xét giảm lãi, lãi và gốc về khoảng 150.000.000 đồng thì bà sẽ trả ngay cho V1. Trong trường hợp không được thì đề nghị tính theo lãi suất vay có thể chấp để bà có khả năng trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng V và bà Nguyễn Thị Đình N đã xác lập hợp đồng vay tài sản, với mục đích vay tiêu dùng, V1 đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Đình N. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn Thị Đình N đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 110.611.967 đồng. nhưng bà N không thanh toán tiền nợ khi đến hạn làm phát sinh nợ và lãi quá hạn. Tính đến nay, bà Nguyễn Thị Đình N còn nợ V1 tiền nợ gốc là 110.611.967 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 250.057.999 đồng. Dù V1 đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, V1 khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho V1 tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày xét xử là 360.669.966 đồng. Theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Bà Nguyễn Thị Đình N thừa nhận quá trình giao dịch đúng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày nhưng bà N yêu cầu V1 xem xét giảm lãi, lãi và gốc về khoảng 150.000.000 đồng thì bà sẽ trả ngay cho V1. Trong trường hợp không được thì bà N chỉ đồng ý trả lãi theo lãi suất vay có thể chấp để bà có khả năng trả nợ.

[3] Theo “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” số AL00000128522 ngày 12 tháng 8 năm 2017, các “Bảng kê tính lãi” cùng lời trình bày của các đương sự, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có lãi, có kỳ hạn, trả nợ theo phương thức: Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền lựa chọn thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ. Bà Nguyễn Thị Đình N đã sử dụng thẻ tín dụng và còn nợ nguyên đơn đúng như nguyên đơn trình bày.

[4] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bà Nguyễn Thị Đình N yêu cầu V1 xem xét giảm tiền nợ gốc và lãi cho bà về số tiền 150.000.000 đồng thì bà sẽ trả ngay cho V1 hoặc V1 áp dụng cho bà lãi suất tương đương với lãi suất vay thế chấp nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét các yêu cầu này của bị đơn không phù hợp, bởi vì việc thỏa thuận lãi suất đã được các bên thống nhất khi ký kết hợp đồng. Do vậy, có đủ cơ sở để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho V1 theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 3 và Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Cụ thể: tổng số tiền là 360.669.966 đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc: 110.611.967 đồng;
- Tiền lãi: 250.057.999 đồng.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đình N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $5\% \times 360.669.966đ = 18.033.498$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Đình N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 360.669.966 (ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi sáu) đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc: 110.611.967 đồng;
- Tiền lãi: 250.057.999 đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đình N phải chịu án phí sơ thẩm là 18.033.498 đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho V2 6.927.502 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0013531 ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Đình N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo